

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 516/2024/DS-PT
Ngày: 28- 10 - 2024
V/v tranh chấp: “Hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 383/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 463/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Hồng H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: E Đ, khu phố A, phường D, thị xã G (nay là TP G), tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: 50 Đ, Khu Phố F, Phường A Thành phố G

Đại diện theo ủy quyền : Ông **Trịnh Văn H1**, sinh năm:1968 (có mặt).

Địa chỉ hiện nay : số B B đường V , phường A Thành phố G, tỉnh Tiền Giang
(theo văn bản ủy quyền ngày 24/10/2024)

- Bị đơn:

1. **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1987 (có mặt).

2. **Đào Thị T**, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trịnh Văn H1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số E, Đ, Khu phố A, Phường D, thị xã G (nay là TP G), tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Văn H2 và Đào Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H trình bày: Đại lý Hưởng Sang của vợ chồng bà làm chủ (Võ Thị Hồng H và Trịnh Văn H1) có bán thức ăn thủy sản cho anh Nguyễn Văn H2 và chị Đào Thị T. Khi bán hai bên thỏa thuận cuối vụ tôm anh H2 và chị T sẽ trả tiền. Sau đó, hai bên có tiến hành đối chiếu công nợ với nhau thì anh H2 và chị T còn nợ vợ chồng bà số tiền là 315.748.000 đồng. Nhưng sau khi kết nợ anh H2 và chị T không trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu anh H2 và chị T trả cho vợ chồng bà số tiền nợ thức ăn thủy sản là 315.748.000 đồng và lãi chậm trả tính từ ngày 30/11/2023 theo mức lãi suất quá hạn là 1,5%/tháng và yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H2 và chị Đào Thị T trình bày: Anh H2 và chị T là vợ chồng, có mua thức ăn thủy sản của Đại lý Hưởng Sang do vợ chồng bà H làm chủ (Võ Thị Hồng H và Trịnh Văn H1).

Anh H2 và chị T thống nhất còn nợ tiền mua thức ăn thủy sản của Đại lý Hưởng Sang là 315.748.000 đồng. Anh chị đồng ý trả số tiền nợ 315.748.000 đồng, xin không trả tiền lãi, mỗi năm trả 50.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn H1 trình bày: Ông H1 thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà H,

Tại Bản án dân sơ thẩm số: 149/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang áp dụng: Điều 430, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H.

Buộc anh Nguyễn Văn H2, chị Đào Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng H, ông Trịnh Văn H1 số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ là 315.748.000 đồng và tiền lãi 33.153.000đ. Tổng cộng là 348.901.000 đồng (Ba trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm lẻ một ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/8/2024, bị đơn Nguyễn Văn H2, Đào Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý trả tiền lãi chậm trả và cho trả tiền gốc 50.000.000 đồng/năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn kháng cáo xin trả dần mỗi năm 50.000.000đồng, xin bỏ lãi. Xét thấy bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh. Nguyên đơn cũng không đồng ý cho trả dần và không đồng ý bỏ tiền lãi chậm trả. Nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ y án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng qui định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn Võ Thị Hồng H là đại lý thức ăn thủy sản, vợ chồng bị đơn Nguyễn Văn H2, Đào Thị T là người nuôi thủy sản. Vợ chồng bị đơn có mua thức ăn thủy sản của bà H nhiều lần còn nợ lại số tiền 315.748.000đồng. Ngày 30/11/2023 hai bên đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông H2 – Bà T còn nợ bà H số tiền trên và thỏa thuận thời gian trả nợ chậm nhất là ngày 30/12/2023. Đến hạn thanh toán thì vợ chồng ông H2 – Bà T không trả tiền nên bà H khởi kiện. Tòa án sơ thẩm đã xét xử buộc vợ chồng ông H2 – Bà T phải trả số tiền 315.748.000đồng cùng lãi phát sinh là 33.153.000đồng, tổng cộng là 348.901.000đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Vợ chồng ông H2 – Bà T kháng cáo xin trả dần mỗi năm 50.000.000đồng và xin không trả lãi.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn về việc xin trả dần mỗi năm 50.000.000đồng tiền nợ và yêu cầu không tính lãi. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Trước hết đối với số nợ 315.748.000đồng do nguyên đơn khởi kiện, đã được bị đơn thừa nhận, phù hợp với bản đối chiếu công nợ ngày 30/11/2023 do các bên ký tên xác nhận nợ và hẹn ngày thanh toán. Nên xác định đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc xin trả dần mỗi năm 50.000.000đồng và xin bỏ tiền lãi. Xét thấy, tại văn bản đối chiếu công nợ lập ngày 30/11/2023 thì nguyên đơn đã thỏa thuận cho bị đơn chậm trả nợ đến ngày 30/12/2023 là đã kéo dài thời gian và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện là thiệt thòi quyền lợi của nguyên đơn. Đối với tiền lãi phát sinh là 33.153.000đồng, Tòa án sơ thẩm tính lãi chậm trả theo lãi suất 1,5%/ tháng và thời gian tính lãi từ ngày 30/12/2023 là có căn cứ đúng pháp luật, đồng thời phù hợp với thỏa thuận ngày 30/11/2023 với nội dung “... Số tiền nợ nêu trên bên B phải thanh toán cho bên A chậm nhất vào ngày 30 tháng 12 năm 2023, nếu bên B cố tình trì hoãn kéo dài thời gian không thanh toán cho bên A thì bên B phải chịu mức lãi quá quá hạn do Ngân hàng N qui định trên mỗi tháng là 1,5% của tổng số tiền mà bên B còn nợ bên A..”. Quá trình kháng cáo thì bị đơn cũng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, nguyên đơn thì không đồng ý cho trả dần hàng năm, nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữa nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Văn H2 và Đào Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 149/2024/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H.

- Buộc ông Nguyễn Văn H2, bà Đào Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Hồng H, ông Trịnh Văn H1 số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ gốc là 315.748.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 33.153.000đ . Tổng cộng là 348.901.000đ (Ba trăm bốn mươi tám triệu, chín trăm lẻ một ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn H2, bà Đào Thị T mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông H2 nộp theo biên lai thu số 0001809 (số tiền 300.000đồng), bà T nộp theo biên lai thu số 0001810 (số tiền 300.000đồng), cả 02 biên lai cùng ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H2, bà Đào Thị T phải chịu 17.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được giảm 50% nên phải nộp 8.722.000 đồng (Tám triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 7.893.700 đồng (Bảy triệu tám trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm đồng) theo biên lai thu số 0001623 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt